

Thứ tư, ngày 7 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Phiên hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 08/08/2019	•		
Tuần 5/8-9/8/2019	•		
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Ngay từ đầu phiên, VN-Index hồi phục nhẹ nhờ lực mua gia tăng tại các mã bluechips như VCB, VHM, VNM. Trong phiên chiều, chỉ số dao động quanh mốc tham chiếu chủ yếu do các cổ phiếu vốn hóa lớn như VCB, MWG và VIC, GAS có diễn biến giằng co. Thừa hưởng đà hồi phục của các thị trường lớn trên thế giới, VN-Index có phiên giao dịch khả quan sau ba phiên giảm điểm liên tiếp khi tâm lý nhà đầu tư trở nên bớt bi quan nhờ động thái trấn an thị trường của NHTW Trung Quốc. **Tuy nhiên, trước vùng trung thông tin trong thời gian tới đây, chỉ số sẽ tiếp tục dao động và rung lắc mạnh trong vùng giá 960 – 975 điểm.**

Hợp đồng tương lai: HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều giảm nhẹ so với giá đóng cửa phiên trước đó. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 07/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ. Ngoài MWG, các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng tăng giá kéo dài của cổ phiếu cơ sở FPT và PNJ, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_Hàng tiêu dùng +1.5%. Danh mục Hàng tiêu dùng hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.5%, cao hơn mức tăng +0.1% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Xây dựng giảm nhẹ -0.9%.

Phân tích kỹ thuật: AST_Tăng giá (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index **+1.32 điểm**, đóng cửa 965.93. HNX-Index **+0.00 điểm**, đóng cửa 101.89.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.36); MWG (+0.54); VHM (+0.49); VNM (+0.41); HPG (+0.29).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.75); GAS (-0.83); BID (-0.49); BVH (-0.30); ROS (-0.16).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 2,806.03 tỷ đồng, **-21.96%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.32 điểm. Thị trường có **166 mã tăng** và **143 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **219.96 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VJC (57.08 tỷ), NVT (21.49 tỷ) và VRE (19.02 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.75 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

VN-INDEX

965.93

Giá trị: 2806.03 tỷ

1.32 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): -219.96 tỷ

HNX-INDEX

101.89

Giá trị: 309.33 tỷ

0 (0%)

Khối ngoại (ròng): 5.75 tỷ

UPCOM-INDEX

58.22

Giá trị: 412.38 tỷ

-0.09 (-0.15%)

Khối ngoại (ròng): -3.07 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	53.4	-0.43%
Giá vàng	1,488	0.94%
Tỷ giá USD/VND	23,216	-0.18%
Tỷ giá EUR/VND	26,042	-0.37%
Tỷ giá JPY/VND	21,853	0.02%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	4.82%
LS TPCP 5 năm	3.6%	1.41%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTD	28.6	VJC	62.8
HBC	18.1	HPG	56.9
BID	15.1	VRE	44.3
PLX	7.0	BHM	42.9
PTB	6.7	MSN	18.0

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường

Trang 1

Phân tích kỹ thuật

Trang 2

Tín hiệu hàng hóa

Trang 3

Thị trường phái sinh

Trang 4

Cổ phiếu lớn

Trang 5

Thống kê thị trường

Trang 6

Báo cáo mới nhất

Trang 7

iBroker

Trang 8

i-INVEST

Trang 9

Khuyến cáo sử dụng

Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Hàng tiêu dùng +1.5%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
Hàng tiêu dùng	1.5%	1.9%	4.4%	6.9%	10.5%	14.3%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	-0.7%	-0.2%	-0.6%	9.0%	9.7%
Ngân hàng	0.4%	-1.9%	2.3%	4.3%	4.2%	-0.7%
Dầu khí	0.3%	-5.4%	-2.7%	-2.7%	11.0%	6.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.0%	-3.4%	-1.5%	-0.9%	6.6%	1.0%
Nước & Năng lượng	0.0%	-3.3%	-6.2%	-1.1%	3.4%	14.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.2%	-1.8%	-2.1%	1.5%	2.1%	0.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.4%	-0.5%	-3.2%	1.2%	7.5%	22.2%
BDS & Khu công nghiệp	-0.5%	0.1%	-1.1%	3.2%	4.6%	2.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.5%	-2.2%	-2.8%	-5.0%	1.2%	-5.3%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	2.3%	-3.6%	3.6%	4.2%	14.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	-4.0%	-5.7%	-5.1%	-0.3%	-2.3%
Xây dựng	-0.9%	-2.2%	-4.9%	-0.6%	-7.0%	-12.8%

VNINDEX	0.1%	-2.6%	0.0%	2.0%	6.3%	1.0%
VN30INDEX	0.2%	-1.7%	-1.4%	-0.5%	1.0%	-7.6%

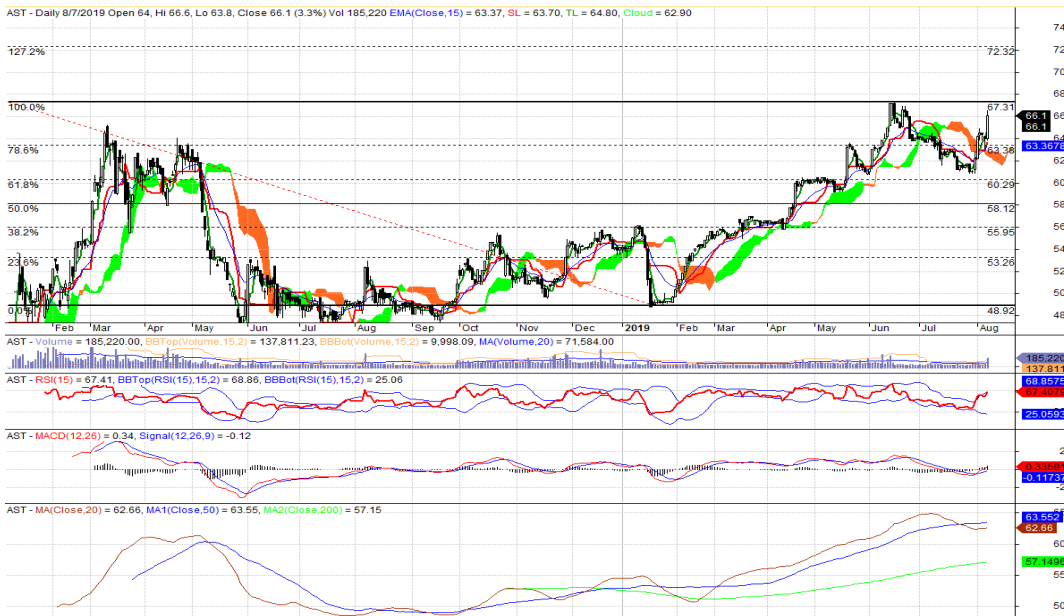
Phân tích kỹ thuật

AST_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.
- Đường MAs: 3 đường MA nằm trong xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu AST đang nằm trong xu hướng tăng giá sau khi chạm ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn tại vùng giá 62.2. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận với nhịp tăng của bước giá trong phiên gần nhất. Chỉ báo MACD vẫn đang duy trì xu hướng tích cực và chỉ báo RSI đang cho thấy vị thế tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng đang được hỗ trợ khá tốt. Như vậy, AST có thể sẽ tăng đến mức kháng cự tiếp theo tại ngưỡng giá 72.3 (tương đương với mức giá Fibonacci 127.2%).

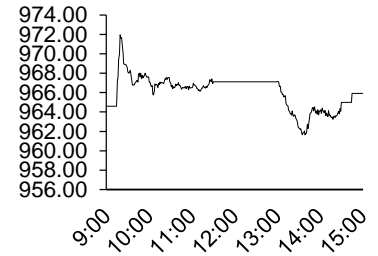


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

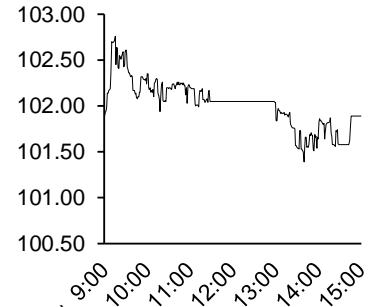
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-2.52%
Bảo hiểm	-1.64%
Điện, nước & xăng dầu khí c	-1.06%
Bất động sản	-0.41%
Dịch vụ tài chính	-0.40%
Xây dựng và Vật liệu	-0.12%
Hóa chất	0.17%
Thực phẩm và đồ uống	0.32%
Ô tô và phụ tùng	0.34%
Y tế	0.37%
Ngân hàng	0.59%
Du lịch và Giải trí	0.76%
Dầu khí	1.01%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.05%
Công nghệ Thông tin	1.27%
Tài nguyên Cơ bản	1.27%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.65%
Bán lẻ	3.04%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 07/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 07/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	53.58	-2.21%	-7.78%	-7.39%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.72	-1.94%	-9.33%	-9.01%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.68	-2.33%	-11.62%	-11.82%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1479.11	0.85%	3.36%	5.98%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.47	0.49%	-0.70%	9.54%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	848.85	-0.09%	-3.40%	-3.02%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	483.87	-2.02%	-2.69%	-6.36%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.52	0.46%	0.11%	1.10%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	191.00	-0.93%	-15.34%	-17.32%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.73	-0.76%	-3.46%	-5.78%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.78	0.00%	-3.14%	16.32%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	96.50	0.89%	-2.46%	-7.35%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	0.83%	-4.01%	-3.49%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3802.00	-3.75%	-6.58%	0.66%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1763.00	-0.40%	-2.65%	-2.54%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	105.00	-6.67%	-11.02%	-10.26%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	73.20	-1.01%	-1.75%	-3.75%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 06/08 giảm 0.87 USD, tương đương 1.45%, xuống 58.94 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn giảm 1.06 USD, tương đương 1.94% xuống 53.63 USD/thùng.
- Giá dầu giảm hơn 1%, với dầu thô Brent xuống mức thấp nhất gần 7 tháng dưới 60 USD/thùng, do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc làm gia tăng mối lo ngại về nhu cầu dầu toàn cầu suy yếu.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.5% lên 1,470.96 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 của Mỹ tăng 0.52% lên 1,484.2 USD/ounce. Trong phiên này, giá vàng giao ngay có lúc đạt 1,474.81 USD/ounce, cao nhất kể từ tháng 5/2013.
- Vàng tiếp tục tăng cao trên mức cao nhất trong hơn 6 năm do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gia tăng đe dọa tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 2.2% xuống 693.5 CNY. Trong phiên có lúc giảm 2.8% xuống 689 CNY (97.98 USD)/tấn, thấp nhất kể từ ngày 5/7/2019.
- Giá quặng sắt tại Đại Liên giảm do triển vọng nhu cầu đối với nguyên liệu sản xuất thép suy giảm và dấu hiệu thiếu hụt nguồn cung toàn cầu giảm bớt.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2019 trên sàn Thượng Hải giảm 1.9% xuống 3,707 CNY/tấn, thấp nhất kể từ ngày 10/6/2019. Giá thép trên sàn Thượng Hải cũng giảm do triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tiêu thụ thép suy yếu, sau cuộc chiến thương mại kéo dài giữa Mỹ - Trung leo thang.

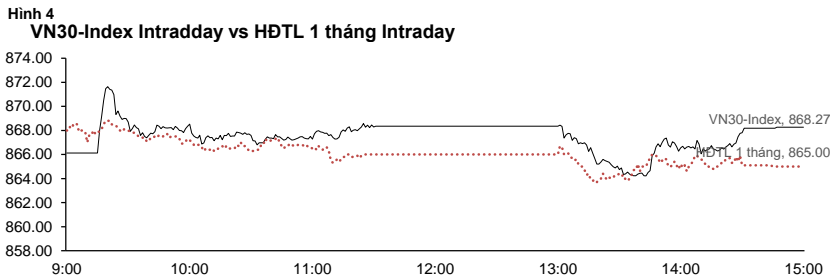
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên tăng 1 US cent tương đương 1% lên 96.6 USD/lb, trong bối cảnh đồng real suy yếu và lo ngại dư cung. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 2 USD tương đương 0.2% lên 1,299 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2019 tăng 0.02 US cent tương đương 0.2% lên 11.84 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2019 tăng 0.4 USD tương đương 0.1% lên 318.4 USD/tấn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 06/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 0.3 JPY (0.0028 USD) xuống 165.9 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 345 CNY (49.04 USD) lên 11,555 CNY/tấn.
- Giá cao su tại Tokyo giảm 8 phiên liên tiếp, ngay cả khi giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải tăng.

Thị trường hợp đồng tương lai



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	865.00	-0.35%	-3.27	-23.1%	88394	8/15/2019	10
VN30F1909	868.00	-0.23%	-0.27	-29.0%	267	9/19/2019	45
VN30F1912	872.00	-0.79%	3.73	-56.0%	44	12/19/2019	136
VN30F2003	871.00	-0.14%	2.73	-90.4%	12	3/19/2020	227

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ 2.14 điểm lên mức 868.27 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, VCB, HPG, PNJ, và FPT tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 tiếp tục hoạt động quanh ngưỡng hỗ trợ 867 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật đang cho thấy chỉ số có dấu hiệu giảm giá ngắn hạn. Tuy nhiên, trong trung hạn, chỉ số vẫn đang vận động theo xu hướng tích lũy kéo dài trong vùng giá 860-895 điểm.
- HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều giảm nhẹ so với giá đóng cửa phiên trước đó. Xét về khối lượng giao dịch, HĐTL đều đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909 đang tăng, các hợp đồng còn lại đều đang giảm. Điều này phản ánh kỳ vọng giảm giá trong ngắn hạn và phục hồi trong trung hạn của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm với các hợp đồng ngắn hạn và giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	Độ lệch chuẩn
CMWG1901	BSC	9/9/2019	33	4:1	39,090	-51.3%	20.87%
CFPT1901	VND	9/11/2019	35	2:1	70,410	45.9%	18.93%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	145	5:1	156,490	-0.4%	20.87%
CMWG1902	VND	12/11/2019	126	4:1	78,200	-31.1%	20.87%
CMWG1904	SSI	12/30/2019	145	1:1	266,020	475.1%	20.87%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	54	1:1	58,250	-35.9%	18.93%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	145	1:1	90,230	495.2%	18.93%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	52	1:1	99,170	29.2%	21.30%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	128	10:1	227,220	-42.9%	22.20%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	145	1:1	48,600	-47.7%	29.96%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	34	5:1	54,410	-27.8%	22.75%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	126	5:1	137,970	-42.6%	29.96%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	54	1:1	21,310	-64.2%	29.96%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	36	2:1	55,660	16.5%	29.96%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	132	1:1	176,690	1470.6%	21.30%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	34	2:1	123,220	46.4%	29.96%

Chú thích:
* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 07/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến tích cực khi hầu hết các mã đều tăng theo đà tăng của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.
- CMWG1902 và CMWG1901 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 21.71% và 19.44%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 4.03%, CMWG1904 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 16% thị trường.
- Hầu hết các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. Ngoài MWG, các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng tăng giá kéo dài của cổ phiếu cơ sở FPT và PNJ, và sẽ tạo động lực tăng của nhóm chứng quyền này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	114.00	3.64	1.60
VCB	78.40	2.75	0.87
HPG	22.10	1.61	0.81
PNJ	86.60	3.34	0.70
FPT	49.75	1.63	0.61

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	118.0	-1.50	-1.06
EIB	17.5	-2.51	-0.66
TCB	20.1	-0.74	-0.48
ROS	27.5	-3.51	-0.24
GAS	100.5	-1.47	-0.20

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,000	6,390	19.44%	6,520
1,900	2,940	5.76%	2,498
2,700	5,390	14.68%	4,216
2,990	7,400	21.71%	6,388
14,000	27,570	11.08%	25,813
3,800	5,010	6.60%	4,278
6,000	7,200	3.30%	5,271
1,900	2,160	-1.37%	1,077
1,200	820	3.80%	18
3,300	3,100	10.71%	1,415
1,700	2,400	0.84%	1,669
1,000	470	2.17%	0
2,200	1,600	11.11%	669
1,500	680	23.64%	221
3,200	2,750	-5.50%	1,028
1,200	690	11.29%	258

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	114,000
CHPG1901	47,999	22,900	22,100
CHPG1902	168,888	41,999	22,100
CHPG1903	22,100	23,200	22,100
CMBB1901	23,700	20,600	21,300
CMBB1902	26,300	21,800	21,300
CMWG1902	48,990	90,000	114,000
CPNJ1901	26,300	77,981	86,600
CVNM1901	47,200	158,888	121,000
CFPT1902	96,981	46,000	49,750
CFPT1903	57,000	46,000	49,750
CHPG1904	98,800	23,100	22,100
CHPG1905	93,300	23,100	22,100
CMWG1903	25,800	95,000	114,000
CMWG1904	165,000	90,000	114,000
CFPT1901	27,000	45,000	49,750

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	114.0	3.6%	0.7	2,194	6.3	7,893	14.4	4.8	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	86.6	3.3%	1.0	838	3.8	4,727	18.3	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	75.5	-1.9%	1.3	2,301	0.3	1,503	50.2	3.4	25.7%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	36.2	-0.3%	0.7	364	0.1	3,025	12.0	1.2	51.3%	10.6%
VIC	Bất động sản	118.0	-1.5%	1.1	17,166	1.8	1,673	70.5	4.8	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.7	-0.4%	1.1	3,513	2.3	1,033	33.6	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.6	1.2%	0.8	2,411	1.1	3,579	16.7	2.7	7.1%	17.8%
REE	Bất động sản	31.9	-0.5%	1.0	430	0.5	5,261	6.1	1.0	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.2	-5.3%	1.4	231	1.6	3,744	4.1	1.0	48.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.2	-2.1%	1.3	469	1.7	1,997	10.6	1.1	58.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	33.2	1.5%	1.0	235	0.0	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	19.6	-2.0%	1.4	260	0.8	1,434	13.7	1.4	56.9%	11.1%
FPT	Công nghệ	49.8	1.6%	0.8	1,467	2.7	4,349	11.4	2.5	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	41.0	2.2%	0.4	443	0.0	3,778	10.9	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.5	-1.5%	1.5	8,363	1.0	6,019	16.7	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.0	1.1%	1.5	3,156	2.1	3,271	19.0	3.7	13.1%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.4	1.0%	1.7	424	2.3	2,351	8.7	0.8	24.3%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.9	-1.0%	0.8	1,335	0.5	1,163	8.5	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.7	0.6%	0.5	544	0.1	4,602	20.8	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.6	-0.7%	0.7	231	0.2	838	16.2	0.7	20.1%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.0	-0.7%	0.7	184	0.1	894	8.9	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	78.4	2.8%	1.3	12,642	1.9	4,730	16.6	3.8	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	34.7	-1.4%	1.5	5,158	1.6	2,107	16.5	2.2	3.3%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.2	0.0%	1.6	3,270	1.3	1,470	13.7	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	18.8	-0.3%	1.2	2,003	1.0	2,965	6.3	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	21.3	-0.2%	1.1	1,957	1.6	3,215	6.6	1.3	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.6	-0.5%	1.1	1,523	1.0	3,438	6.3	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	49.2	3.8%	0.9	175	0.3	5,040	9.8	1.7	76.7%	17.2%
NTP	Nhựa	37.8	0.0%	0.4	147	0.1	4,490	8.4	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	-1.8%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.1	1.6%	1.0	2,653	3.3	2,898	7.6	1.4	38.6%	19.9%
HSG	Thép	6.8	-1.4%	1.5	126	0.4	425	16.0	0.5	17.7%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	121.0	0.7%	0.8	9,161	3.9	5,465	22.1	7.4	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	280.0	0.3%	0.8	7,807	0.8	6,735	41.6	10.2	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.8	-0.3%	1.2	3,802	2.9	3,304	22.6	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.3	-1.5%	0.5	372	0.8	542	30.1	1.5	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	83.0	-1.2%	0.8	7,856	0.1	2,630	31.6	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.9	0.6%	1.1	3,082	3.0	9,850	13.3	5.1	20.0%	43.3%
HVN	Vận tải	39.2	1.0%	1.7	2,417	1.1	1,747	22.4	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	26.5	-0.4%	0.8	341	0.5	1,888	14.0	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.0	3.2%	0.6	220	0.9	2,505	7.2	1.3	31.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	86.2	2.5%	0.9	588	2.4	7,458	11.6	4.4	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.5	0.5%	0.9	380	0.4	1,333	14.6	1.3	13.0%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	110.1	-2.6%	0.7	366	0.2	13,465	8.2	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.5	1.1%	1.1	509	0.3	1,307	20.3	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.0	-2.3%	0.5	226	0.3	485	43.3	1.0	52.8%	2.4%
POW	Điện	13.4	-0.4%	0.6	1,364	1.2	820	16.3	1.3	15.0%	7.8%
NT2	Điện	24.3	-0.8%	0.6	304	0.2	2,241	10.8	1.7	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	78.40	2.75	2.30	567830.00
MWG	114.00	3.64	0.52	1.28MLN
VHM	84.00	0.60	0.50	724520.00
VNM	121.00	0.67	0.41	731780.00
HPG	22.10	1.61	0.29	3.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	86.20	2.50	0.07	654300.00
PVS	20.40	0.99	0.05	2.58MLN
PVX	1.20	9.09	0.02	1.69MLN
VCG	26.50	1.15	0.02	268100.00
CEO	10.20	0.99	0.02	925000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	118.00	-1.50	-1.78	345950.00
GAS	100.50	-1.47	-0.85	217060.00
BID	34.70	-1.42	-0.51	1.08MLN
BVH	75.50	-1.95	-0.31	100880.00
ROS	27.50	-3.51	-0.17	12.39MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	21.60	-0.46	-0.17	1.03MLN
TNG	18.30	-3.68	-0.03	1.18MLN
IDV	41.00	-3.98	-0.02	12300.00
HVT	40.00	-6.98	-0.01	21000.00
MBG	7.60	-7.32	-0.01	1400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TS4	5.81	7.00	0.00	27590.00
PTL	3.53	6.97	0.01	25200.00
LGC	36.50	6.88	0.13	130.00
GAB	11.65	6.88	0.00	110250.00
VAF	10.90	6.86	0.01	1060.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	444600.00
DPS	0.60	20.0	0.00	36400.00
KST	17.60	10.0	0.00	3100.00
VNF	26.40	10.0	0.01	100.00
PHN	28.70	10.0	0.01	5000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	10.75	-6.93	0.00	10.00
TNC	14.65	-6.69	-0.01	1010.00
TCD	13.00	-6.14	-0.01	1290.00
CLW	18.80	-6.00	-0.01	10.00
DXG	15.20	-5.30	-0.09	2.35MLN

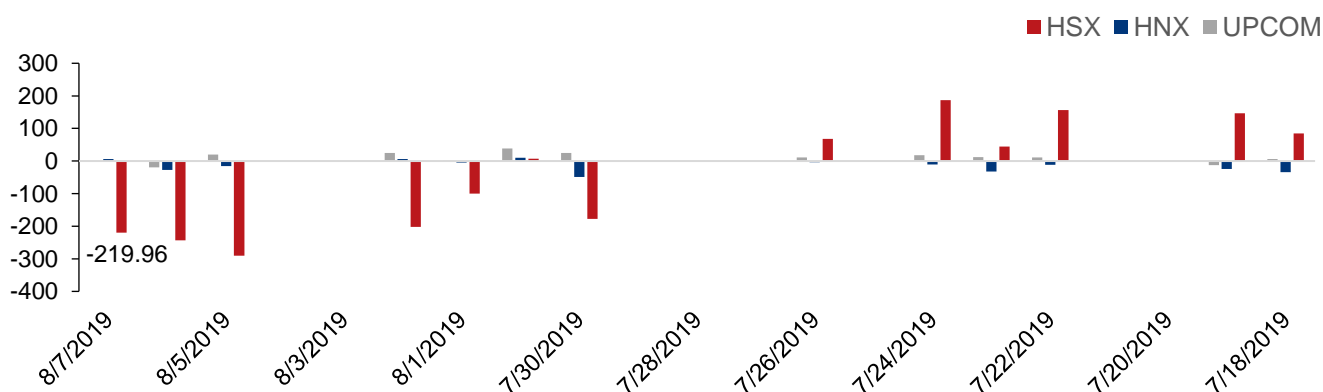
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L61	13.70	-9.87	-0.01	100.00
VBC	16.50	-9.84	0.00	100.00
CMS	3.70	-9.76	-0.01	7000.00
KDM	3.00	-9.09	0.00	17300.00
PVL	2.00	-9.09	-0.01	5400.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



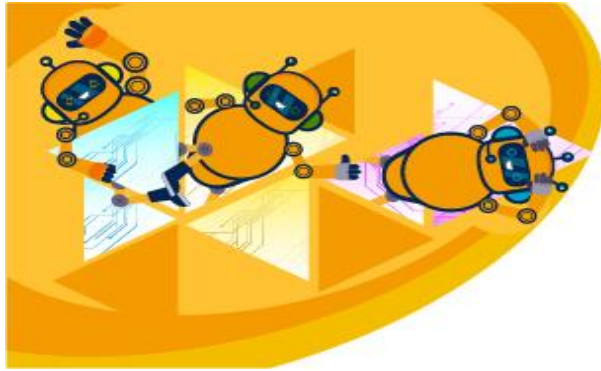
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

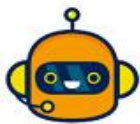
STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	58.8	5,276	11.1	3.2	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	26.8	4,234	6.3	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.6	3,438	6.3	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	19.8	3,754	5.3	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	16.0	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		51.1	4,314	11.8	3.5	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.8	3,304	22.6	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	156.8	7,716	20.3	10.5	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.5	1,888	14.0	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	114.0	7,893	14.4	4.8	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.5	3,751	8.1	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	82.7	18,452	4.5	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.4	1,294	15.0	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.3	3,481	5.3	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.9	2,655	7.1	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	49.8	4,349	11.4	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	21.8	3,149	6.9	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.4	8,518	4.3	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.1	2,589	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express HBC 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 16000 ; Giá tại Publish 14000 BSC dự báo KQKD 2019F của HBC với DT và LNST đạt lần lượt 17,191 tỷ đồng (-6.05% yoy) và 525 tỷ đồng (-16.5% yoy), tương ứng EPS FW đạt 2,667 VNĐ/cp. BSC khuyến nghị Theo Dõi với giá mục tiêu là 16,000 VNĐ/CP, upside 7.1%, dựa theo phương pháp P/E với P/E mục tiêu là 6x.
Express LCG 2019Q2	5/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 12900 ; Giá tại Publish 10000 BSC dự báo KQKD 2019F LCG với DT và LNST đạt lần lượt 2778.6 tỷ đồng (+10% yoy) và 204.6 tỷ đồng (+11.9% yoy) tương ứng EPS FW đạt 1,870 đồng/cp. Chúng tôi lưu ý các dự án điện mặt trời như Solar Chư Ngọc 1 có thể được LCG chuyển nhượng lại trong 2H2019 và các dự án điện mặt trời khác LCG đang tăng tỷ lệ sở hữu lên nên sẽ ghi nhận thêm doanh thu mảng điện. Vì thế BSC dự báo KQKD 2019 của LCG dựa trên HDKD cốt lõi chưa cộng thêm lợi nhuận bất thường từ chuyển nhượng dự án.
Express LTG 2019Q3	5/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 23500 Lũy kế 6 tháng đầu năm , LTG đạt Doanh thu và LNST lần lượt 4,600 tỷ đồng (-0.8% yoy) và 254.8 tỷ đồng (+33% yoy), hoàn thành 53% kế hoạch doanh thu và 49% kế hoạch LNST. Chúng tôi đánh giá KQKD của LTG trong 6 tháng đầu năm có nhiều cải thiện nhờ mảng thuốc BVTV kinh doanh tốt trong vụ mùa đông xuân đầu năm, tuy nhiên sang Q3 khả năng vụ mùa hè thu và thu đông sẽ khó hơn so với đầu năm.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNTT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).

BSC Invest
Your Money. You invest

- ✦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ✦ Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- ✦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Hàng tiêu dùng	1.5%	1.9%	4.4%	6.9%	10.5%	14.3%	75.6%	216.3%
Vật liệu Xây dựng	0.8%	-0.7%	-0.2%	-0.6%	9.0%	9.7%	20.7%	169.5%
Ngân hàng	0.4%	-1.9%	2.3%	4.3%	4.2%	-0.7%	67.1%	124.2%
Dầu khí	0.3%	-5.4%	-2.7%	-2.7%	11.0%	6.1%	16.8%	-18.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	-4.0%	-5.7%	-5.1%	-0.3%	-2.3%	49.5%	82.2%
Xây dựng	-0.9%	-2.2%	-4.9%	-0.6%	-7.0%	-12.8%	35.3%	81.1%
* Note	Danh mục Hàng tiêu dùng hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng +1.5% , cao hơn mức tăng +0.1% của VNINDEX. Trong khi đó, danh mục Xây dựng giảm nhẹ -0.9% .							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 3	0.9%	0.0%	-0.4%	-0.7%	2.7%	-1.5%	35.9%	121.7%
Danh mục 7	0.8%	-2.6%	-0.6%	2.8%	3.2%	6.4%	47.6%	134.4%
Danh mục 16	0.8%	-1.1%	1.5%	5.1%	5.8%	7.6%	70.3%	162.6%
Danh mục 11	-0.2%	-0.6%	-0.6%	-0.8%	5.0%	5.2%	105.7%	202.5%
Danh mục 17	-0.3%	-0.5%	2.6%	4.0%	9.6%	22.8%	158.2%	266.7%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.9%	-1.9%	2.0%	5.5%	12.6%	6.8%	67.7%	184.9%
Danh mục 21	0.9%	-2.2%	-0.5%	1.4%	7.5%	1.6%	46.4%	53.3%
Danh mục 19	0.7%	-1.0%	1.7%	4.4%	8.3%	9.3%	57.2%	119.6%
Danh mục 20	0.4%	-1.9%	-1.1%	1.9%	1.7%	8.4%	20.8%	163.8%
Danh mục 23	0.3%	0.0%	2.1%	1.4%	7.1%	14.2%	135.7%	217.8%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	0.1%	-2.6%	0.0%	2.0%	6.3%	1.0%	54.0%	59.5%
VN30INDEX	0.2%	-1.7%	-0.3%	-0.4%	1.0%	-7.3%	41.2%	35.3%

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

